

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS)

Tên sản phẩm: NATRI HIĐROXIT (SODIUM HYDROXIDE – NaOH)

MỤC 1: NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên hóa chất:** Natri hidroxit
- Công thức hóa học:** NaOH
- CAS:** 1310-73-2
- Tên khác:** Xút ăn da, xút vảy, sodium hydroxide
- Sử dụng đã định:** Sản xuất xà phòng, xử lý nước, tẩy rửa, hóa học cơ bản
- Thông tin nhà cung cấp tại Việt Nam:**

Tên công ty: Công ty TNHH MTV Đức Mai Khôi

Mã số thuế: 0314051291

Địa chỉ: 702/67/9 Lê Đức Thọ, Phường An Hội Đông, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

- Số điện thoại khẩn cấp:** 0909.907.861 (Giờ hành chính)

MỤC 2: NHẬN DẠNG MỐI NGUY HẠI

- Phân loại theo GHS:**
 - GHS05: Ăn mòn
- Từ cảnh báo:** NGUY HIỂM
- Câu cảnh báo nguy hiểm:**
 - H314: Gây bỏng nghiêm trọng da và tổn thương mắt
- Câu phòng ngừa:**
 - P260: Không hít bụi/hơi
 - P264: Rửa tay kỹ sau khi tiếp xúc
 - P280: Đeo găng tay, kính và đồ bảo hộ
 - P301+P330+P331: Nếu nuốt phải: Súc miệng, không gây nôn
 - P303+P361+P353: Nếu dính da: Cởi đồ và rửa với nước
 - P305+P351+P338: Nếu dính mắt: Rửa nhẹ nhàng bằng nước

MỤC 3: THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

- Tên thành phần:** Natri hydroxit
- CAS:** 1310-73-2
- Tỷ lệ:** 95%
- Phân loại:** H314

MỤC 4: BIỆN PHÁP SƠ CẤP

- Hít phải:** Đưa đến nơi thông thoáng, hỗ trợ hô hấp nếu khó thở
- Tiếp xúc da:** Gây bỏng; rửa dưới vòi nước liên tục, gọi bác sĩ
- Tiếp xúc mắt:** Rửa mắt với nước trong ít nhất 15 phút, liên hệ y tế ngay
- Nuốt phải:** Gây bỏng đường tiêu hóa; không gây nôn, đưa đi cấp cứu ngay

MỤC 5: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- Không dễ cháy, nhưng phản ứng với nhiều chất tạo nhiệt và ăn mòn**
- Phương tiện chữa cháy:** CO₂, nước phun mù (không xịt trực tiếp lên hóa chất)
- Khí sinh ra:** Natri oxit nếu cháy lớn
- Trang bị bảo hộ:** Đồ bảo hộ kín, mặt nạ phòng độc

MỤC 6: BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ SỰ CỐ

- Biện pháp cá nhân:** Đeo găng, kính, khẩu trang; tránh tiếp xúc

- **Biện pháp môi trường:** Không để hóa chất vào cống rãnh
- **Xử lý tràn đổ:** Trung hòa bằng axit yếu (giấm, axit citric), sau đó hút bằng vật liệu tro

MỤC 7: SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

- **Sử dụng:** Trong khu vực thông gió, tránh bắn tóe
- **Bảo quản:** Nơi khô ráo, mát mẻ, không tiếp xúc kim loại nhẹ hoặc axit
- **Không tương thích:** Axit, kim loại nhôm, nước (phản ứng mạnh nếu hòa tan nhanh)

MỤC 8: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO VỆ CÁ NHÂN

- **Giới hạn tiếp xúc (ACGIH):**
 - TWA: 2 mg/m³
- **Thiết bị bảo hộ:**
 - Hô hấp: Mặt nạ lọc hơi kiềm
 - Tay: Găng tay cao su hoặc nitrile
 - Mắt: Kính chống hóa chất
 - Da: Quần áo chống hóa chất kín

MỤC 9: TÍNH CHẤT LÝ HÓA

- **Trạng thái:** Rắn (hạt, vảy) hoặc dung dịch
- **Màu sắc:** Trắng (rắn); không màu (dung dịch)
- **Mùi:** Không mùi
- **pH:** ~14 (dung dịch 1M)
- **Nhiệt độ nóng chảy:** 318°C
- **Nhiệt độ sôi:** ~1388°C
- **Độ tan trong nước:** Rất dễ tan, tỏa nhiệt khi tan

MỤC 10: TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

- **Ổn định trong điều kiện thường**
- **Tránh tiếp xúc với:** Axit mạnh, kim loại (Al, Zn), nước nếu ở dạng rắn
- **Phản ứng nguy hiểm:** Phản ứng sinh nhiệt mạnh, ăn mòn, tạo khí hydro

MỤC 11: THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

- **LD50 (chuột, uống):** ~140–340 mg/kg
- **Tác động:** Gây bỏng da, mắt, thực quản nghiêm trọng nếu tiếp xúc hoặc nuốt phải

MỤC 12: THÔNG TIN SINH THÁI

- **Rất độc nếu xả vào môi trường nước (do pH cao)**
- **Tác động sinh thái:** Gây hại thủy sinh, thay đổi độ pH môi trường
- **Phân hủy:** Không phân hủy sinh học

MỤC 13: BIỆN PHÁP XỬ LÝ

- **Không xả trực tiếp vào môi trường**
- **Có thể trung hòa và xử lý theo quy định chất thải nguy hại**
- **Bao bì nhiễm hóa chất phải được xử lý an toàn**

MỤC 14: THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

- **UN Number:** UN 1823 (rắn); UN 1824 (dung dịch)
 - **Tên vận chuyển:** Sodium hydroxide
 - **Nhóm nguy hiểm:** 8 – Ăn mòn
 - **Nhóm đóng gói:** II hoặc III (tùy nồng độ)
-

MỤC 15: THÔNG TIN QUY ĐỊNH

- **Áp dụng:** GHS, Thông tư 04/2012/TT-BCT
 - **Cần khai báo khi nhập khẩu hoặc sản xuất công nghiệp**
 - **Không nằm trong danh mục cấm, nhưng kiểm soát nghiêm ngặt**
-

MỤC 16: THÔNG TIN KHÁC

- **Ngày biên soạn:** 04/07/2025
- **Nguồn:** GHS, PubChem, REACH, TCVN 8402:2010
- **Lưu ý:** Hóa chất ăn mòn mạnh, tuyệt đối không tiếp xúc trực tiếp với da, mắt
- **Ghi chú:**
 - Thông tin trên dựa trên dữ liệu hiện có và chỉ dùng cho mục đích tham khảo an toàn, không thay thế tư vấn y tế hoặc pháp lý
 - Không sử dụng cho mục đích y tế hoặc thực phẩm. Chỉ dành cho mục đích nghiên cứu hoặc sản xuất có kiểm soát
 - Chỉ dùng cho mục đích thí nghiệm / kỹ thuật. Không dùng trực tiếp cho người nếu không có kiểm định y tế